

Số: 41/2020/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng
trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 1152/HĐND-VHXXH ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc thông báo ý kiến của Thường trực HĐND thành phố; và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại cuộc họp UBND thành phố thường kỳ ngày 30 tháng 10 năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 124/TTr-STC ngày 24 tháng 9 năm 2020 và Công văn số 4230/STC-GCS ngày 03 tháng 12 năm 2020; đề xuất của Sở Y tế tại Tờ trình số 2743/TTr-SYT ngày 31 tháng 7 năm 2020, Công văn số 3550/SYT-KHTC ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội tại Công văn số 2605/SLĐTBOXH-KHTC ngày 24 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực y tế thuộc Sở Y tế và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế

Quy định tiêu chuẩn, định mức (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng và mức giá tối đa) sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Mức giá quy định tại Quyết định này là mức giá tối đa để các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào nhu cầu thực tế phục vụ nhiệm vụ được giao để lập kế hoạch đầu tư, mua sắm đúng chủng loại và không vượt quá số lượng quy định tại Quyết định này. Mức giá này chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe.

Điều 3. Trường hợp mức giá xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế tại thời điểm mua sắm có biến động cao hơn mức giá quy định tại Quyết định này và trường hợp cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo về Sở Tài chính để kiểm tra, tổng hợp trình UBND thành phố quyết định sau khi có ý kiến của Thường trực HĐND thành phố.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Điều 5. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở: Tài chính, Y tế, Lao động, Thương binh và Xã hội và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Văn Miên

Phụ lục
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG
TRONG LĨNH VỰC Y TẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Chủng loại xe/ Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng trang bị tối đa (chiếc)	Mức giá trang bị tối đa (đồng/chiếc)	Ghi chú
I	Xe ô tô cứu thương	60		
1	Xe ô tô cứu thương thông thường	54		
1.1	Bệnh viện Đà Nẵng	4	1.480.000.000	
1.2	Bệnh viện Phụ sản - Nhi	3	1.480.000.000	
1.3	Bệnh viện Da liễu	2	1.480.000.000	
1.4	Bệnh viện Mắt	2	1.480.000.000	
1.5	Bệnh viện Phổi	2	1.480.000.000	
1.6	Bệnh viện Y học cổ truyền	2	1.480.000.000	
1.7	Bệnh viện Ung bướu	4	1.480.000.000	
1.8	Bệnh viện Tâm thần	2	1.480.000.000	
1.9	Bệnh viện Phục hồi chức năng	2	1.480.000.000	
1.10	Bệnh viện Răng Hàm Mặt	1	1.480.000.000	
1.11	Trung tâm y tế quận Hải Châu	2	1.480.000.000	
1.12	Trung tâm y tế quận Thanh Khê	2	1.480.000.000	
1.13	Trung tâm y tế quận Cẩm Lệ	2	1.480.000.000	
1.14	Trung tâm y tế quận Liên Chiểu	2	1.480.000.000	
1.15	Trung tâm y tế quận Sơn Trà	2	1.480.000.000	
1.16	Trung tâm y tế quận Ngũ Hành Sơn	2	1.480.000.000	
1.17	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	2	1.480.000.000	
1.18	Trung tâm cấp cứu	15	1.480.000.000	
1.19	Cơ sở xã hội Bầu Bàng	1	950.000.000	
2	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, trang thiết bị	6		

	Y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)			
2.1	Trung tâm cấp cứu	5		
-	Xe ô tô cứu thương kèm theo 6 thiết bị cấp cứu	3	2.486.450.000	
-	Xe ô tô cứu thương kèm theo 8 thiết bị cấp cứu	2	4.204.950.000	
2.2	Bệnh viện Đà Nẵng	1		
-	Xe ô tô cứu thương kèm theo 6 thiết bị hồi sức cấp cứu	1	1.551.500.000	
II	Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế	5		
1	Xe chụp X.quang lưu động	1		
1.1	Bệnh viện Phổi	1	3.059.000.000	
2	Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1		
2.1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	1	1.181.000.000	
3	Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	3		
3.1	Sở Y tế	1	1.000.000.000	
3.2	Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	1	1.000.000.000	
3.3	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	1	1.020.000.000	
III	Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế	8		
1	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế	1		
1.1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	1	1.181.000.000	
2	Xe vận chuyển người bệnh	3		
2.1	Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần	1	950.000.000	

2.2	Trung tâm Bảo trợ xã hội	1	950.000.000	
2.3	Trung tâm Phục dưỡng người có công cách mạng	1	950.000.000	
3	Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi	2		
3.1	Trung tâm Pháp y	2	725.000.000	
-	Xe vận chuyển vật tư, trang thiết bị và phục vụ công tác vận chuyển đưa đón y bác sĩ để khám nghiệm, giám định và hội chẩn	1	725.000.000	
-	Xe vận chuyển tử thi	1	1.480.000.000	
4	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1		
4.1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	1	918.000.000	
5	Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm	1		
5.1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	1	380.900.000	
Tổng cộng		73		